

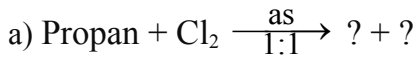
Họ và tên:.....Lớp 11A

Cho nguyên tử khối: H = 1; C = 12; O = 16; Na = 23; Br = 80; Ag = 108.

Mã đề 003

**A. BÀI TẬP TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

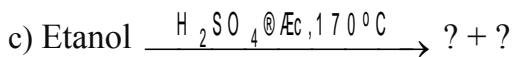
**Câu 1:** (2,0 điểm) Hoàn thành các phản ứng sau (chỉ viết phương trình phản ứng tạo ra *sản phẩm chính*)



.....  
.



.....  
.



.....



.....

**Câu 2:** (3,0 điểm) Hỗn hợp X gồm metan, but-2-en và propin.

- Cho 5,6 lít (đktc) hỗn hợp X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub> thu được 14,7 gam kết tủa.

- Cho 5,6 lít (đktc) hỗn hợp X tác dụng với nước Br<sub>2</sub> dư thấy khối lượng bình Br<sub>2</sub> tăng 6,8 gam.

a) Viết phương trình phản ứng.

b) Tính thành phần phần trăm thể tích mỗi khí trong hỗn hợp X.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**B. BÀI TẬP TNKQ (5,0 điểm) Chọn đáp án đúng viết vào bảng sau**

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Chọn																				

**Câu 1:** Ankan X có công thức phân tử là  $C_5H_{12}$ , X tác dụng với  $Cl_2$ , thu được 3 dẫn xuất monoclo. X là  
**A. pentan.**                      B. 2,2-đimetylpropan.      C. 2-metylpentan.              D. 2-metylbutan.

**Câu 2:** Đốt cháy hoàn toàn m gam ankin X, thu được 0,3 mol  $CO_2$  và 0,2 mol  $H_2O$ . Giá trị của m là  
**A. 4,0.**                              B. 4,2.                              C. 4,3.                              D. 4,1.

**Câu 3:** Tên thay thế của  $CH_3CH_2CH_3$  là  
A. butan.                              B. propen.                              **C. propan.**                              D. etan.

**Câu 4:** Sục khí X vào dung dịch  $AgNO_3/NH_3$ , thu được kết tủa màu vàng. Khí X là chất nào sau đây?  
A.  $CH_3CH_3$ .                              **B.  $HC\equiv CH$ .**                              C.  $CH_3CH=CH_2$ .                              D.  $CH_2=CH_2$ .

**Câu 5:** Đốt cháy hoàn toàn một lượng ancol X, thu được số mol  $H_2O$  lớn hơn số mol  $CO_2$ . X là ancol  
A. không no, mạch hở.                              **B. no, mạch hở.**                              C. no, mạch vòng.                              D. thơm, đơn chức.

**Câu 6:** Cho các chất: Etan, eten, propin, buta-1,3-đien, vinylaxetilen. Số chất phản ứng với dung dịch  $Br_2$  ở điều kiện thường là  
A. 2.                                      B. 3.                                      **C. 4.**                                      D. 5.

**Câu 7:** Ancol nào sau đây thuộc loại ancol bậc I?  
A. Butan-2-ol.                              B. 2-metylpropan-2-ol.                              C. Propan-2-ol.                              **D. Etanol.**

**Câu 8:** Ancol etylic phản ứng với Na tạo ra  
A.  $CH_3ONa$  và  $H_2$ .                              B.  $C_2H_5ONa$  và  $H_2O$ .                              C.  $C_2H_5Na$  và  $H_2O$ .                              **D.  $C_2H_5ONa$  và  $H_2$ .**

**Câu 9:** Cho 4,2 gam anken X phản ứng vừa đủ với 0,1 mol  $Br_2$ . Công thức phân tử của X là  
A.  $C_2H_4$ .                                      B.  $C_5H_{10}$ .                                      **C.  $C_3H_6$ .**                                      D.  $C_4H_8$ .

**Câu 10:** Cho 3 gam một ancol (no, đơn chức, mạch hở) phản ứng hoàn toàn với Na dư, thu được 0,025 mol khí  $H_2$ . Công thức phân tử của ancol là  
A.  $C_2H_4(OH)_2$ .                              B.  $C_2H_5OH$ .                              C.  $CH_3OH$ .                              **D.  $C_3H_7OH$ .**

**Câu 11:** Cho 7,6 gam hỗn hợp X gồm etanol và propan-2-ol, tác dụng với Na (dư) sinh ra 1,68 lít  $H_2$  (đktc). Thành phần phần trăm khối lượng etanol trong X là  
A. 39,5%.                                      **B. 60,5%.**                                      C. 30,3%.                                      D. 70,7%.

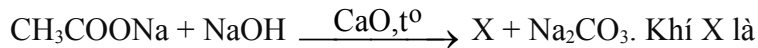
**Câu 12:** Cho dung dịch glixerol vào ống nghiệm có  $\text{Cu}(\text{OH})_2$ , thấy

- A. kết tủa tan tạo ra dung dịch xanh lá cây. **B. kết tủa tan tạo ra dung dịch xanh lam.**  
C. xuất hiện kết tủa xanh lá cây. **D. xuất hiện kết tủa xanh lam.**

**Câu 13:** Tỉ khối hơi của anken X so với  $\text{H}_2$  bằng 28. Công thức phân tử của X là

- A.  $\text{C}_5\text{H}_{10}$ . **B.  $\text{C}_3\text{H}_6$ .** **C.  $\text{C}_4\text{H}_8$ .** **D.  $\text{C}_2\text{H}_4$ .**

**Câu 14:** Cho sơ đồ phản ứng điều chế khí X trong phòng thí nghiệm:



- A.  $\text{C}_2\text{H}_4$ . **B.  $\text{CH}_4$ .** **C.  $\text{C}_2\text{H}_6$ .** **D.  $\text{C}_2\text{H}_2$ .**

**Câu 15:** Số đồng phân cấu tạo mạch hở ứng với công thức phân tử  $\text{C}_4\text{H}_6$  là

- A. 3. **B. 2.** **C. 5.** **D. 4.**

**Câu 16:** Đốt cháy hoàn toàn 1 mol ankan X thu được 3 mol  $\text{CO}_2$ . Công thức phân tử của X là

- A.  $\text{C}_3\text{H}_8$ .** **B.  $\text{C}_2\text{H}_6$ .** **C.  $\text{C}_3\text{H}_4$ .** **D.  $\text{C}_3\text{H}_6$ .**

**Câu 17:** Công thức chung của ankadien là

- A.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-2} (n \geq 3)$ .** **B.  $\text{C}_n\text{H}_{2n+2} (n \geq 1)$ .** **C.  $\text{C}_n\text{H}_{2n} (n \geq 2)$ .** **D.  $\text{C}_n\text{H}_{2n-6} (n \geq 6)$ .**

**Câu 18:** Để phân biệt  $\text{CH}_2=\text{CH}_2$  với  $\text{CH}_3-\text{C}\equiv\text{CH}$  bằng phương pháp hóa học, dùng thuốc thử là dung dịch

- A.  $\text{NaOH}$ . **B.  $\text{HCl}$ .** **C.  $\text{NaCl}$ .** **D.  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$ .**

**Câu 19:** Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai ancol, thu được 13,44 lít khí  $\text{CO}_2$  (đktc) và 15,3 gam  $\text{H}_2\text{O}$ . Mặt khác, cho m gam X tác dụng với Na (dư), thu được 4,48 lít khí  $\text{H}_2$  (đktc). Giá trị của m là

- A. 12,9. **B. 15,3.** **C. 12,3.** **D. 16,9.**

**Câu 20:** Trong một bình kín chứa 0,07 mol  $\text{C}_2\text{H}_2$ ; 0,13 mol  $\text{H}_2$  và một ít bột Ni. Nung nóng bình một thời gian, thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với  $\text{H}_2$  bằng 8. Sục X vào lượng dư dung dịch  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$  đến phản ứng hoàn toàn, thu được hỗn hợp khí Y và 4,8 gam kết tủa. Hỗn hợp khí Y phản ứng tối đa với bao nhiêu mol  $\text{Br}_2$  trong dung dịch?

- A. 0,03 mol.** **B. 0,02 mol.** **C. 0,05 mol.** **D. 0,04 mol.**

----- HẾT -----